



Số: 37 /2024/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 13 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5207/TTr-STC ngày 17/10/2024 và công văn số 5605/STC-TCHCSN ngày 06/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Việc quản lý, tính hao mòn tài sản cố định quy định tại Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn tài sản cố định.

Điều 3. Danh mục tài sản cố định đặc thù và Danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ quản lý chuyên ngành có trách nhiệm thường xuyên cập nhật và đề xuất với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh việc sửa đổi, bổ sung danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn đối với tài sản cố định tại Điều 3 Quyết định này.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai và theo dõi việc thực hiện Quyết định này.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý, sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện việc ghi sổ kế toán, hạch toán theo dõi và quản lý tài sản theo đúng quy định.

Điều 5. Thời gian áp dụng

Các nội dung quy định tại Quyết định này được áp dụng “từ kỳ tính hao mòn năm 2024”.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 11 năm 2024 và thay thế Quyết định số 02/2019/QĐ-UBND ngày 28/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn nhận biết là tài sản cố định hữu hình; Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Khánh Hòa.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban TV Quốc hội (báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (báo cáo);
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh ;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Đài PTTH Khánh Hòa, Báo Khánh Hòa ;
- Trung tâm Công báo tỉnh; 42
- Lưu: VT, TL, HL.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tấn Tuân

Phụ lục I**QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỔ ĐỊNH ĐẶC THÙ**

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 37/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	DANH MỤC
Loại 1	Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng
	Nhóm hiện vật kim loại
	Nhóm hiện vật nhựa
	Nhóm hiện vật thủy tinh
	Nhóm hiện vật đồ mộc
	Nhóm hiện vật chất liệu vải
	Nhóm hiện vật chất liệu giấy
	Nhóm hiện vật chất liệu phim ảnh
	Nhóm hiện vật chất đồ da
	Nhóm hiện vật chất liệu xương
	Nhóm hiện vật chất liệu gốm
	Nhóm hiện vật chất liệu đất đá
	Nhóm hiện vật chất liệu khác
Loại 2	Lăng tẩm, di tích, danh thắng cấp quốc gia
Loại 3	Di tích, danh thắng cấp tỉnh



Phụ lục II

QUY ĐỊNH THỜI GIAN SỬ DỤNG VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

(Ban hành Kèm theo Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của UBND tỉnh Khánh Hòa)

STT	DANH MỤC	THỜI GIAN SỬ DỤNG (Năm)	TỶ LỆ HAO MÒN (%/năm)
Loại 1	Quyền tác giả		
	- Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa	25	4
	- Tác phẩm sân khấu, điện ảnh	25	4
	- Quyền tác giả khác	25	4
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
	- Bằng phát minh, sáng chế	25	4
	- Bản quyền phần mềm máy tính	25	4
	- Khác	25	4
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
	- Quyền đối với cây trồng	25	4
	- Công nhận giống sản xuất (bản quyền tác giả)	25	4
Loại 4	Phần mềm ứng dụng		
	- Cơ sở dữ liệu	5	20
	- Phần mềm kế toán	5	20
	- Phần mềm tin học văn phòng	5	20
	- Phần mềm ứng dụng khác		
	+ Phần mềm thương mại	5	20
	+ Phần mềm nội bộ	4	25